

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày 12 - 9 - 2023

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Duy T và ông Hồ Sĩ Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Không Thị ChA, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Hoàng Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: 03: 1. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 29/QĐ-XPHC ngày 24/12/2022, Trưởng Công an xã B, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức “Cảnh cáo”; 2. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01/QĐ-XPHC ngày 02/01/2023, Trưởng Công an xã B, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đồng; 3. Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn số: 05/QĐ-XPTT ngày 12/01/2023 bị Chủ tịch UBND xã B, huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng; nhân thân: Bản án số: 45/2013/HSST ngày 30/7/2013, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến nay (có mặt).

2. Lương Tuấn A, sinh năm 1976; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lương Tuấn C (đã chết) và bà Trần Thị H1; có vợ là Lương Thị Th1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 09 giờ ngày 01/6/2023, Trần Văn T đang ở nhà thì nảy sinh ý định sử dụng trái phép chất ma túy, T điều khiển xe mô tô BKS: 88E1-17912 đến nhà Lương Tuấn A ở cùng thôn để mua ma túy sử dụng. T gặp Lương Tuấn A và hỏi mua một gói ma túy (heroine) với giá 200.000đồng. Do đang có sẵn ma túy nên Tuấn A đồng ý. Tuấn A cầm tiền T đưa và nói T đứng đợi ở ngoài sân, sau đó đi vào trong buồng ngủ lấy 01 gói ma túy (heroine) bọc bằng giấy màu vàng trong tổng số 33 gói ma túy (heroine) được đựng trong 01 lọ hình trụ tròn đi ra sân đưa cho T. T cầm gói ma túy bằng tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi tìm nơi sử dụng. Khi đến khu vực Nghĩa trang xã B, huyện T thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra phát hiện bắt quả tang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại lòng bàn tay trái của T 01 gói giấy bên ngoài bọc bằng giấy màu vàng, bên trong chứa chất ma túy heroine (niêm phong ký hiệu A1); thu giữ tại túi quần bên phải của T đang mặc số tiền 400.000đồng (gồm 02 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel bên trong có gắn thẻ sim số 0796059438; tạm giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave BKS: 88E1-197.12.

Khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lương Tuấn A tại thôn B, xã B, huyện T. Kết quả khám xét đã thu giữ: Tại nền nhà bên phải từ cửa buồng vào có 01 lọ nhựa hình trụ tròn, kiểm tra bên trong có 32 gói nhỏ bọc giấy màu vàng (kiểm tra bên trong các gói nhỏ đều chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy - niêm phong ký hiệu K1). Thu giữ tại nền nhà bên phải từ cửa buồng vào 01 lọ nhựa hình trụ tròn, kiểm tra bên trong có chứa 01 túi nilon màu trắng (bên trong túi nilon chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy - niêm phong ký hiệu K2); niêm phong 02 lọ nhựa trên vào phong bì ký hiệu K3. Thu giữ của Lương Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi bên trong có gắn thẻ sim số 0979317003.

Tại bản kết luận giám định số: 1156 ngày 05/6/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “*Chất bột cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định có khối lượng 0,1283g là ma túy; loại Heroine (Heroin)*”.

Tại bản kết luận giám định số: 1596 ngày 08/6/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. *Chất cục bột màu trắng của mẫu ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,9374g loại Heroine (Heroin)*.

2. *Chất cục bột màu trắng của mẫu ký hiệu K2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4652g loại Heroine (Heroin)*”.

Về nguồn gốc ma túy Cơ quan điều tra thu giữ được trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Tuấn A. Quá trình điều tra xác định Lương Tuấn A mua được của một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này) ở khu vực Cầu Chang, xã Bắc Bình, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 5.000.000đồng vào sáng sớm ngày 01/6/2023. Sau khi mua được ma túy A mang về nhà chia thành các gói ma túy nhỏ mục đích để bán kiếm lời.

Tại Cáo trạng số: 48/CT-VKSTĐ ngày 24/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân

huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và Lương Tuấn A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo Lương Tuấn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo A từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 01/6/2023, tại khu vực Nghĩa trang xã B, huyện T. Công an tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra phát hiện, bắt quả tang Trần Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,1283g chất ma túy heroine mục đích sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra T khai nhận mua ma túy của Lương Tuấn A ở cùng thôn. Đến sáng ngày 02/6/2023, Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Tuấn A đã thu giữ tại nền nhà trong gian buồng ngủ của Tuấn A 01 lọ hình trụ tròn bên trong có 32 gói nhỏ ma túy heroine; 01 lọ hình trụ tròn có 01 túi nilon bên trong có chứa heroine có tổng khối lượng là 3,4026g mục đích để A bán kiếm lời.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”;

Hành vi của bị cáo Lương Tuấn A đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội. Ngoài ra ma túy là nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, sói mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy:

Đối với bị cáo Trần Văn T: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã 01 lần bị đưa ra xét xử về tội phạm cùng loại và 03 tiền sự, trong đó 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã nhưng bị cáo vẫn không lấy làm bài học cho bản thân. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để làm người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội.

Đối với bị cáo Lương Tuấn A: Trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu và bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho cho bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với người đàn ông khoảng 50 tuổi ở khu vực Cầu Chang, xã Bắc Bình, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo A khai nhận người đàn ông này đã bán ma túy cho bị cáo nhưng bị cáo A không biết họ tên, tuổi, địa chỉ của người này. Ngoài lời khai của bị cáo không có căn cứ nào khác để xác định đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo. Do vậy, Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 lọ nhựa hình trụ bị cáo A sử dụng để đựng ma túy và mẫu vật ma túy heroine do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau giám định gồm: A1 (0,0874gam); K1 (2,8838gam); K2 (0,4415gam) cùng toàn bộ bao gói là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bên trong có gắn thẻ sim số 0796095438; số tiền 400.000đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, bên trong có gắn thẻ sim số 0979317003 thu giữ của bị cáo A không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo A nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 200.000đồng bị cáo A có được do bán trái phép chất ma túy cho bị cáo T mà có. Bị cáo A khai nhận đã chi tiêu hết số tiền trên nên cần truy thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 88E1-179.12 tạm giữ của bị cáo T. Chiếc xe mô tô trên là tài sản riêng của chị Hoàng Thị H1 (vợ bị cáo T). Chị H1 mua chiếc xe trên từ năm 2016. Ngày 01/6/2023, chị H1 đi làm và để xe ở nhà. Bị cáo T sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy sử dụng, chị H1 không biết nên cần trả lại cho chị H1 là phù hợp.

[7] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lương Tuấn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/6/2023).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lương Tuấn A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/6/2023).

4. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với mẫu vật ma túy heroin do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau giám định gồm: A1 (0,0874gam); K1 (2,8838gam); K2 (0,4415gam) cùng toàn bộ bao gói và 02 lọ nhựa.

- Trả lại bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bên trong có gắn thẻ sim số 0796095438 và số tiền 400.000đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lương Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, bên trong có gắn thẻ sim số 0979317003 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đồng của bị cáo Lương Tuấn A.

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 88E1-179.12 cho chị Hoàng Thị H1.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023).

5. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Lương Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Các Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Màu Văn Mùi